

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐST
Ngày 24-5-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Sắc

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đình.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2022/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 28 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST–HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023, ngày 31/03/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Thị Ph** – sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Đông Thọ B, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn:** Anh **Đinh Thanh Tr** – sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Đông Thọ B, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 3 không lý do)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Cửa hàng vật liệu xây dựng **Huy Hằng**

Đại diện cửa hàng: bà **Lê Thị Tuyết L** (Hằng) – sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Đông Thọ, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Anh **Trần Minh Th** – sinh năm 1991

Chị **Trần Thị Hồng Đ** – sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã M Th B, huyện Ch Th, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Anh **Phan Văn V** – sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Đông Thọ A, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ph trình bày:***

Chị và anh Đinh Văn Tr tự quen nhau đi đến tổ chức cưới vào tháng 03/2009, sau khi cưới vợ chồng sống gia đình bên chồng ở Bến Tre đến năm 2020 thì vợ chồng mua đất cất nhà tại ấp Tàu Hoi A, xã Th Tr, huyện T H.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi cất nhà còn thiếu nợ nên vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay cự cãi nhau anh Tr bỏ nhà đi từ đó cho đến nay mặt khác anh Tr hiện nay cũng đã quen người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung :

1. Đinh Quốc V – sinh ngày 27/5/2010

2. Đinh Quốc D - sinh ngày 25/12/2013

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị Ph.

- *Về tài sản chung:* Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* nợ tiền vật liệu xây dựng của chị Lê Thị Tuyết L số tiền 20.000.000đ; nợ tiền vật liệu xây dựng của chị Trần Thị Hồng Đ, anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ; nợ tiền công làm nhà của anh Phan Văn V số tiền 10.000.000đ.

Tại phiên tòa, chị Ph yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Tr.
- Về quan hệ con chung: chị Ph yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai cháu Đình Quốc V – sinh ngày 27/5/2010, Đình Quốc D - sinh ngày 25/12/2013, chị Ph không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Đề vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: chị Ph đồng ý trả cho chị Lê Thị Tuyết L số tiền 20.000.000đ, chị Trần Thị Hồng Đ, anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ và anh Phan Văn V số tiền 10.000.000đ trong vòng 03 tháng.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 10/4/2023 và các lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tuyết L trình bày: Vào ngày 24/6/2021 vợ chồng anh Tr, chị Ph có đến vật liệu xây dựng Huy Hằng để mua thiếu vật liệu xây dựng số tiền 20.000.000đ. Khi mua thì vợ chồng anh Tr, chị Ph có hứa tới ngày 15/8/2021 (dương lịch) sẽ trả tiền lại cho cửa hàng chị nhưng đến hạn trả nợ thì vợ chồng anh Tr, chị Ph không trả. Chị L có xuống nhà yêu cầu vợ chồng anh Tr, chị Ph nhưng anh chị cứ hẹn không trả.

Tại phiên tòa: chị L yêu cầu chị Ph trả cho chị số tiền là 20.000.000đ, trong vòng 03 tháng, ngoài ra chị Ph không yêu cầu anh Tr trả số nợ này.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 20/4/2023 và các lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hồng Đ, anh Trần Minh Th trình bày: Vào ngày 6/2/2021 vợ chồng anh Trn, chị Ph có mua gạch, cát, đá, bơm cát của vợ chồng chị Đ, anh Th tổng số tiền là 48.650.000đ, và vợ chồng anh Tr, chị Ph đã trả trước cho vợ chồng chị Đ, anh Th số tiền là 15.000.000đ. Hiện nay vợ chồng anh Tr, chị Ph còn thiếu vợ chồng chị Đ, anh Th số tiền là 33.650.000đ. Chị Đ, anh Th có qua nhắc anh Tr, chị Ph trả số tiền còn thiếu nhưng anh chị cứ hẹn không trả.

Tại phiên tòa: chị Đ, anh Th yêu cầu chị Ph trả cho anh chị số tiền là 33.650.000đ, trong vòng 03 tháng, ngoài ra chị Đ, anh Th không yêu cầu anh Tr trả số nợ này.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 20/4/2023 và các lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn V trình bày: vào tháng 6/2021 vợ chồng anh Tr, chị Ph có thuê anh xây dựng căn nhà tọa lạc tại ấp Đông Thọ B, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Sau thời gian thi công hơn 3 tháng thì công trình được hoàn thiện, vợ chồng anh Tr, chị Ph đã thanh toán tiền cho anh và hiện nay vợ chồng anh Tr, chị Ph còn nợ lại anh V số tiền là 10.000.000đ.

Tại phiên tòa: anh V yêu cầu chị Ph trả cho anh số tiền là 10.000.000đ, trong vòng 03 tháng, ngoài ra anh V không yêu cầu anh Tr trả số nợ này.

Tại phiên tòa anh Đinh Thanh Tr được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ph.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Đinh Quốc V – sinh ngày 27/05/2010 và cháu Đinh Quốc D - sinh ngày 25/12/2013 cho chị Huỳnh Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đinh Thanh Tr có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung:* Chị Ph yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về nợ chung:* Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện tự thỏa thuận của các đương sự vào ngày 24/8/2023 chị Huỳnh Thị Ph trả cho: chị Lê Thị Tuyết L số tiền 20.000.000đ, chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ, anh Phan Văn V số tiền 10.000.000đ

+ *Về án phí:* Chị Huỳnh Thị Ph phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ph được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn anh Đinh Thanh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị Ph, anh V, chị L, chị Đ, anh Th yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Đinh Thanh Tr.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Huỳnh Thị Ph, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Ph và anh Tr chung sống với nhau được Ủy ban nhân dân xã B Ph, thành phố B Tr, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/03/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ph: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xây nhà xong còn thiếu nợ từ đó thường hay xảy ra cự cãi nhau dẫn đến anh Tr bỏ nhà đi cho đến nay và anh Tr không còn quan tâm đến vợ con mặc dù đã được gia đình hai bên động viên hàn gắn ở lại với nhau, đến cuối năm 2021 thì vợ chồng ly thân cho đến nay

Tại phiên tòa, chị Ph vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy: Chị Ph, anh Tr chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, mặt khác anh Tr đã được Tòa án tổng đạt các giấy triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy vợ chồng chị Ph, anh Tr đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; ngoài ra, chị Ph và anh Tr đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ph và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Tr là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi cháu Đinh Quốc V – sinh ngày 27/05/2010, Đinh Quốc D, sinh ngày 25/12/2013 của chị Huỳnh Thị Ph. Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Đinh Quốc V, Đinh Quốc D thì nguyện vọng của cả hai cháu muốn được ở với mẹ là chị Ph, mặt khác hiện nay cháu V và cháu D vẫn đang được chị Ph nuôi dưỡng và chị Ph vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Ngoài ra hai cháu còn nhỏ cần có sự

quan tâm và chăm sóc của người mẹ, việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Do đó, yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ph là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Ph không yêu cầu anh Truyền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: chị Huỳnh Thị Ph yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện tự thỏa thuận của Chị Huỳnh Thị Ph, chị Lê Thị Tuyết L, chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th, anh Phan Văn V thừa nhận hiện nay chị Huỳnh Thị Ph còn nợ tiền vật liệu xây dựng của chị Lê Thị Tuyết L số tiền vốn gốc là 20.000.000đ, nợ tiền vật liệu xây dựng chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ, nợ tiền công thợ anh Phan Văn V số tiền 10.000.000đ và các bên thống nhất vào ngày 24/8/2023 chị Huỳnh Thị Ph trả cho: chị Lê Thị Tuyết L số tiền 20.000.000đ, chị Trần Thị Hồng Đ, anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ, anh Phan Văn V số tiền là 10.000.000đ là dứt nợ.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 430, Điều 440, 542, 552 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Huỳnh Thị Ph và yêu cầu độc lập của anh Phan Văn V, chị Lê Thị Tuyết L, chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Huỳnh Thị Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** chị Huỳnh Thị Ph phải nộp là $63.650.000đ \times 5\% = 3.182.500đ$. Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Tuyết L, chị Trần Thị Hồng Đ, anh Trần Minh Th, anh Phan Văn V được chấp nhận nên không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 430, 440, 542, 552 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Ph được ly hôn với anh Đinh Thanh Tr.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao hai cháu Đinh Quốc V – sinh ngày 27/5/2010, Đinh Quốc D - sinh ngày 25/12/2013 cho chị Ph nuôi dưỡng, anh Đinh Thanh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Thanh Tr được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện tự thỏa thuận của Chị Huỳnh Thị Ph, chị Lê Thị Tuyết L, chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th, anh Phan Văn V thừa nhận hiện nay chị Huỳnh Thị Ph còn nợ tiền vật liệu xây dựng của chị Lê Thị Tuyết L số tiền vốn gốc là 20.000.000đ, nợ tiền vật liệu xây dựng chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th số tiền vốn gốc 33.650.000đ, nợ tiền công thợ anh Phan Văn V số tiền vốn gốc là 10.000.000đ và các bên thống nhất vào ngày 24/8/2023 chị Huỳnh Thị Ph trả cho: chị Lê Thị Tuyết L số tiền 20.000.000đ, chị Trần Thị Hồng Đ anh Trần Minh Th số tiền 33.650.000đ, anh Phan Văn V số tiền là 10.000.000đ là dứt nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002159, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: chị Huỳnh Thị Ph phải nộp là $63.650.000đ \times 5\% = 3.182.500đ$.

Trả lại tiền án phí cho Cửa hàng VLXD Huy Hằng với số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002526 ngày 11/4/2023, trả lại tiền án

phí cho vợ chồng anh Trần Minh Th, chị Trần Thị Hồng Đ số tiền 814.000đ (*Tám trăm bốn mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002536 ngày 30/4/2023 và trả tiền án phí cho anh Phan Văn V số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002535 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Đinh Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã B Ph;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo